TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 20/2022/DS-ST Ngày: 14 - 7 - 2022 Về vụ:*"Tranh chấp Hợp đồng dân sự về vay tài sản".*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhi;
2. Ông Lê Thanh Tâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa** tham gia phiên tòa**: Ông Hà Trọng Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 14/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2022/DS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc: "*Tranh chấp Hợp đồng dân sự về vay tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* H, sinh năm 1976; V, sinh năm 1971; Cùng địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên- *Bà H có mặt, ông V có đơn xin vắng mặt*.

- *Bị đơn:* T, sinh năm 1968; N, sinh năm 1965; Cùng nơi ĐKNKTT: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên – *Cùng vắng mặt.*

- *Người làm chứng:* C, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T tỉnh Phú Yên – *Có đơn xin vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn vợ chồng ông V, bà H trình bày:* Vợ chồng bà T, ông N vay tiền của vợ chồng ông V, bà H nhiều lần, tổng số tiền: 205.000.000đ. Ngày 30/8/2019, hai bên viết mượn tiền có nội dung bà T mượn số tiền 205.000.000đ *(Hai trăm lẻ năm triệu đồng),* hứa khi nào vợ chồng bà H cần thì sẽ trả. Giấy vay do con gái bà H, ông V tên là C viết và vợ chồng bà T, ông N cùng ký. Sau khi viết giấy vay, vợ chồng ông V, bà H cần tiền, đã đi đòi nhiều lần nhưng ông N, bà T không trả. Đầu năm 2020, bà T viết giấy hứa từ tháng 2/2020 sẽ trả dần nhưng đến nay vẫn không trả khoản tiền nào.

Nay, bà H, ông V yêu cầu vợ chồng bà T, ông N trả lại số tiền 205.000.000đ *(Hai trăm lẻ năm triệu đồng)*. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

**Bị đơn bà T trình bày:* Vào năm 2014, bà T vay của vợ chồng bà H, ông V nhiều lần, tổng số tiền: 205.000.000đ. Năm 2019, phía bà H viết giấy nợ số tiền trên, bà T ký vào giấy nợ và tại phần chữ ký của chồng bà T là N cũng do bà T ký, ông N không biết. Bà T khẳng định đây là nợ vay riêng của bà T, không liên quan đến ông N.

Nay, bà T thống nhất nợ và đồng ý trả cho vợ chồng ông V, bà H số tiền 205.000.000đ *(Hai trăm lẻ năm triệu đồng),* nhưng xin trả dần mỗi tháng trả từ 500.000đ đến 1.000.000đ vì hiện tại khó khăn. Ngoài ra, không ý kiến gì khác.

**Bị đơn N* đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không nộp bản ý kiến, không đến Tòa, nên không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông N, bà T phải trả cho vợ chồng bà H, ông V số tiền 205.000.000đ *(Hai trăm lẻ năm triệu đồng)*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Nguyên đơn V có đơn xin vắng mặt. Bị đơn T, N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn V và bị đơn T, N.

[2] Xác định người vay tiền:

Ông V, bà H khai vợ chồng ông N, bà T vay của ông bà số tiền 205.000.000đ *(Hai trăm lẻ năm triệu đồng)* và cung cấp 01 *(một)* giấy nợ gốc đề ngày 30/8/2019, có chữ ký của ông V, bà T.

Bà T thừa nhận có vay của ông V, bà H số tiền 205.000.000đ *(Hai trăm lẻ năm triệu đồng),* nhưng cho rằng khoản nợ này là nợ riêng của bà T, chữ ký của ông N trong giấy nợ là do bà T ký. Tuy nhiên, bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh số nợ này là nợ riêng của bà T và không yêu cầu giám định chữ ký.

Người làm chứng C *(con của ông V, bà H)* khai trong thời gian bà C còn chung sống cùng ông V, bà H thì thấy bà T, ông N vay tiền của bà H, ông V

nhiều lần, đến năm 2019 tổng nợ là 205.000.000đ và bà C là người viết giấy vay, ông N, bà T ký vào giấy vay.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết, ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có ý kiến gì phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn nên đủ cơ sở xác định vợ chồng ông N, bà T vay của vợ chồng ông V, bà H số tiền 205.000.000đ là sự thật; không có cơ sở cho rằng đây là nợ riêng của bà T.

[3] Đối với yêu cầu xin trả dần của bà T:

Bà T xin trả dần mỗi tháng trả từ 500.000đ đến 1.000.000đ, vợ chồng ông V, bà H không đồng ý.

Xét thấy: Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định bên vay có nghĩa vụ trả đủ tiền khi đến hạn. Giấy vay tiền giữa các bên đã ghi rõ khi nào vợ chồng bà H cần thì phải trả đủ. Như vậy, khi bà H, ông V yêu cầu trả nợ (đến hạn trả nợ) thì bà T, ông N phải có trách nhiệm trả đủ tiền vay cho ông V, bà H. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu trả dần của bà T.

Do đó, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc vợ chồng ông N, bà T phải trả cho nguyên đơn số tiền 205.000.000đ *(Hai trăm lẻ năm triệu đồng)*.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu 10.250.000đ. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho bà H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 9, 26 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc vợ chồng ông N, bà T phải trả cho vợ chồng ông V, bà H số tiền: 205.000.000đ *(Hai trăm lẻ năm triệu đồng)*.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông N, bà T phải chịu: 10.250.000đ *(Mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà H số tiền: 5.125.000đ *(Năm triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* đã thu tại Biên lai thu tiền số 0002170 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Hoà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Lê Thanh Huệ